

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+RP3+CTC1	7:25	8+0+13	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
2		TD3+BK21+BK14	7:25	21+0+1	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
3		RP2+RC4+RC5+P9	7:25	15+0+0+2	0+0+0+0		12+0+0+10	0+0+0+0	chuyen 3 rc4- p9chuyen 3 rc5-p9
4		P10+TD5	9:25	6+14	0+0		6+15	0+0	
5		P2+BK19	9:25	20+1	0+0		21+1	0+0	
6		RC10+BK8+TD5	9:25	6+11+2	0+0+0		4+5+12	0+0+0	
7		RP2+C10+RC3	11:25	15+0+5	0+0+0		11+4+7	0+0+0	
8		CTK3+RP2	11:25	15+3	0+0		7+15	0+0	
9		P2+BK6	11:25	14+4	0+0		15+4	0+0	ec225
10		TD3+BK5	15:00	14+4	0+0		0+19	0+0	ec225

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: RC3 - RP3 - CTC1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN MANH	RC3						81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN CONG HIEU	RC3	19	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BA THU	RC3						53	KH-THAC	Vietnamese
4	DO NGUYEN HONG THANH	RC3	23-24	2	16			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TAN HONG	RC3	21	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC XUAN	RC3	20	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
7	DO VAN DUNG	RC3	22	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THE MANH	RC3	25	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH DUC	CTC1	38	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CONG TUYEN	CTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VU TIEN THANH	CTC1	39	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH DUY	CTC1	40	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN HUYEN	CTC1	44	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUY CONG	CTC1	45	1	3			48	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HAI SANG	CTC1	41	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET HUNG	CTC1	36-37	2	15			94	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN QUY	CTC1	43	1	10	4	44	79	KH-THAC	Vietnamese
18	VU NGOC CANH	CTC1	50,12	2	19	3	44	85	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN ANH	CTC1	46	1	10	4	74	65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN NAM SON	CTC1	42	1	11			73	PSV	Vietnamese
21	NGO VAN GIAO	CTC1	99	1	8			91	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC3	8	545	7	39	0	0	3		
2	RP3	0	0	0	0	1	5	4		
3	CTC1	13	974	14	101	11	162	15		
TOTAL		21	1.519	21	140	12	167	22		
WEIGHT KG			1.519		140		167			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: TD3 - BK21 - BK14	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.ANH -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PADKATILIN A.N	TD3	93	1	7			81	KHOAN	Russian
2	TRAN CONG MINH	TD3	88-89	2	12			72	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN NGOC TUAN	TD3	78	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN CANH THAC	TD3	90	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUU NHAN	TD3	79	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
6	LE TU HOP	TD3	81-82	2	4			62	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN HAI -81	TD3	500	1	8			58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM NGOC DUNG	TD3	94	1	5	5	90	75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	TD3	01-02	2	12			57	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM THANH DUNG	TD3						68	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN BIEN	TD3	85	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CAO HOANG	TD3	80	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
13	PHUNG BA CHIEN	TD3	98-99	2	14			70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG VIET	TD3	95	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THUAN	TD3	83-84	2	16			69	KHOAN	Vietnamese
16	SEMENOV ALEKSEI B.	TD3	91-92	2	18			103	KHOAN	Russian
17	VU THE HUNG	TD3	87	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH TIEN	TD3	86	1	6			95	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THONG	TD3	96-97	2	18			63	SCHLUMBE	Vietnamese
20	DAU CONG SAU	TD3	07	1	4			85	PSV	Vietnamese
21	HUYNH XUAN TRUONG	BK14	85	1	13	3	36	78	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	20	1.424	26	164	5	90	19		
2	BK21	0	0	0	0	0	0	1		
3	BK14	1	78	1	13	3	36	2		
TOTAL		21	1.502	27	177	8	126	22		
WEIGHT KG			1.502		177		126			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: RP2 - RC4 - RC5 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - TTRUNG - TOAN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LÂM	RP2	74-75	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HUU SON	RP2	83	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN SÁCH ĐƠN	RP2	72-73	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
4	LUÔNG QUỐC VƯƠNG	RP2	5000	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN KIM CUÔNG	RP2	99	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ANH TÙNG	RP2	66-67	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	80,71	2	7			75	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TUẤN ANH	RP2	82	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH CÔNG	RP2	70	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN SĨ ĐIỆP	RP2	77-78	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	81	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHẮC SANG	RP2	79	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RP2	68	1	9			93	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ TUẤN ANH	RP2	76	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	69	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG SƠN DƯƠNG	P9	47-48	2	15			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
17	VŨ VĂN CHUNG	P9	49-50	2	5			72	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	15	1.067	20	107	0	0	12		
2	RC4	0	0	0	0	0	0	0 + 3		CHUYEN 3 PAX RC4-P9
3	RC5	0	0	0	0	0	0	0 + 3		CHUYEN 3 PAX RC5-P9
4	P9	2	135	4	20	0	0	10		
TOTAL		17	1.202	24	127	0	0	22		
WEIGHT KG			1.202		127		0			

GRAND TOAL: 1.329 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/12/2024	TO: P10 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ MINH NGOC	P10	03-04	2	17			83	XAYLAP	Vietnamese
2	HA VAN TRUONG	P10	02	1	10			57	XAYLAP	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN QUÂN	P10	06	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI VAN TUAN	P10	05	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN DUY KHANH	P10	01	1	14			70	XAYLAP	Vietnamese
6	HỒ NGỌC THANH	P10						63	PSV	Vietnamese
7	HOANG VAN KHAI	TD5	58-59	2	17	4	63	74	KHOAN	Vietnamese
8	BUI ĐỨC TOAN	TD5	60	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
9	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	54	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẬU TRỌNG HOANG	TD5	56	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
11	TÔ THANH HUNG	TD5	55	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CAO KHANH	TD5	50	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN TRUNG	TD5	53	1	8			68	YTE	Vietnamese
14	HA MẠNH HAI	TD5	65	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	51	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	61-62	2	12			74	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN CAO DANH	TD5	63	1	6			60	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG TRUNG KIẾN	TD5	57	1	12			72	KHOAN	Vietnamese
19	LƯU XUAN HANH	TD5	52	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
20	ĐAO QUANG MINH	TD5	64	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
21	HỒ THANH QUANG	TD5	20-21	2	13			80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

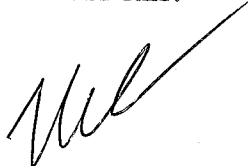
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	6	406	6	63	0	0	6		
2	TD5	15	1.046	18	112	4	63	16		
TOTAL		21	1.452	24	175	4	63	22		
WEIGHT KG			1.452		175		63			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: P2 - BK19	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO -	ETA: 11:40
TRANG-2		QTRƯỜNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LONG	P2	37	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	25	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC QUỐC	P2	33	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NAM	P2						60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	38	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN DOÀN HƯƠNG	P2	22	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	29	1	7	1	20	73	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ANH BAO	P2	28	1	13			65	YTE	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐỒNG	P2	39	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	32	1	4	1	20	73	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG ĐỨC LINH	P2	26-27	2	7			64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	34-35	2	18			78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2						70	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HUY QUYNH	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG TAN QUAN	P2	23	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	21	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ SY VANG	P2	31	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	24	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN MINH XANH	P2	36	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC HUY	BK19	52-53	2	25	1	10	66	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	20	1.369	18	117	2	40	21		
2	BK19	1	66	2	25	1	10	1		
TOTAL		21	1.435	20	142	3	50	22		
WEIGHT KG			1.435		142		50			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: RC10 - BK8 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TUYỀN - TTRUNG - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO VIỆT HAI	RC10	20	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	53	1	8			59	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THANH	RC10	21	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG SƠN	RC10	22	1	8	1	18	73	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN MANH QUÂN	RC10	52	1	7			71	PSV	Vietnamese
6	TÔ HỮU THẮNG	RC10	24-25	2	14			85	DK9	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG CẨM	BK8	13	1	10	2	42	76	KH-THAC	Vietnamese
8	PHÙNG ANH TUÂN	BK8	14	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG VIỆT HỢP	BK8	11-12	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TÂN	BK8	10	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU CÂN	BK8	18-19	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	BK8	03	1	8			72	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIẾP	BK8	20-21	2	20			74	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN THIỆU BÌNH	BK8	15-16	2	20	1	10	60	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	BK8	08-09	2	20			75	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÙNG.	BK8	06-07	2	19			66	DVL	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN HÙNG	BK8	05	1	6			65	PSV	Vietnamese
18	DO DUY	BK8	04	1	4			67	PSV	Vietnamese
19	PARSAKORN NACBUREE	TD5	22-23	2	15			84	SCHLUMBE	Thailand

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	6	424	7	49	1	18	4		
2	BK8	12	835	18	147	3	52	5		
3	TD5	1	84	2	15	0	0	13		
TOTAL		19	1.343	27	211	4	70	22		
WEIGHT KG			1.343		211		70			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: RP2 - CLO - RC3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LHAI - ĐỨC - HTNAM	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ VĂN SÁNG	RP2	61	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM QUANG LỢI	RP2	65	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	60	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG QUỐC MAI	RP2	62	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	RP2	52	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ DUY QUYỀN	RP2	53	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CHÍ CUÔNG	RP2	63-64	2	10			64	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	54-55	2	14			60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	51	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI VĂN TUÂN	RP2	59	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	58	1	16			68	YTE	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	57	1	5			76	PSV	Vietnamese
14	TRẦN MINH HÙNG	RP2	50	1	7			87	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	56	1	8			70	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MẠNH HÙNG	RC3	87	1	12			76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHANH HÙNG	RC3	84	1	12	1	19	72	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TUÂN	RC3	85-86	2	18	3	55	56	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ ĐẠI ĐÌNH	RC3	82	1	3			69	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KIẾN	RC3	83	1	7			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	15	1.039	16	123	0	0	11		
2	CLO	0	0	0	0	0	0	4		
3	RC3	5	334	6	52	4	74	7		
TOTAL		20	1.373	22	175	4	74	22		
WEIGHT KG			1.373		175		74			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024		TO: CTK3 - RP2			AIRCRAFT: 410			ETD: 12:10		
FLIGHT: 8		FROM: VT			CREW: HÙNG - MTHAO -			ETA: 14:00		
TRANG-3					QTRƯỜNG					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN VĂN ỨT	CTK3	27	1	4	5	90	66	NAM TIẾN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN KHANH	CTK3	20-21	2	8			74	BIÊN DÔNG	Vietnamese
3	MAI VĂN PHONG	CTK3	25-26	2	12			62	BIÊN DÔNG	Vietnamese
4	TÔNG NGUYỄN NAM	CTK3	31-32	2	15			82	BIÊN DÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	36-37	2	19			49	BIÊN DÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTK3	43-44	2	11			66	BIÊN DÔNG	Vietnamese
7	THIỆU ĐÌNH TRUNG	CTK3	35	1	7			63	BIÊN DÔNG	Vietnamese
8	VÕ ĐÌNH HÙNG	CTK3	28-29	2	17			64	BIÊN DÔNG	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT TUÂN	CTK3	17	1	7			60	BIÊN DÔNG	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CÔNG	CTK3	23-24	2	11			54	BIÊN DÔNG	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐẶNG	CTK3	33-34	2	13			68	BIÊN DÔNG	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÙNG	CTK3	22	1	6			73	BIÊN DÔNG	Vietnamese
13	NGUYỄN H HAI NAM	CTK3	18-19	2	20			60	BIÊN DÔNG	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU BAO	CTK3	30	1	13			64	BIÊN DÔNG	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CHÂU	CTK3	01-03	3	23			63	BIÊN DÔNG	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	300	1	5			65	PSV	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH TỰ	RP2	99	1	8			64	PSV	Vietnamese
18	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	RP2	02	1	5			51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	15	968	26	186	5	90	7		
2	RP2	3	180	3	18	0	0	15		
TOTAL		18	1.148	29	204	5	90	22		
WEIGHT KG			1.148		204		90			

GRAND TOAL: 1.442 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: P2 - BK6	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: MMINH - CHIẾN	ETA: 14:20
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	44	1	10			84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	P2	41	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TU	P2	52-53	2	15			80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	46	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN SON	P2	50	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH HIỀN	P2	45	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN NAM	P2	51	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ ANH NGỌC	P2	42-43	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VIỆT LONG	P2	54-55	2	16			117	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THẺ ANH	P2	47	1	8			73	NIPI	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HÒA	P2	48-49	2	15			94	NIPI	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK6	27-28	2	12	2	25	74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HẢI	BK6	26	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	25	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN TRỌNG MINH	BK6						69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	11	866	15	117	0	0	15		
2	BK6	4	287	4	29	2	25	4		
TOTAL		15	1.153	19	146	2	25	19		
WEIGHT KG			1.153		146		25			

GRAND TOAL: 1.324 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/12/2024	TO: TD3 - BK5	AIRCRAFT: 622	ETD: 15:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: MMINH - CHIẾN	ETA: 16:50
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG HỮU MẠNH	TD3	62-63	2	5			76	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TRƯỞNG	TD3	56-60	5	11			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	BUI XUÂN CUÔNG	TD3	68,73	2	15			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KIỆU	TD3	64-65	2	14			69	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	THAI THÀNH NGỌC	TD3	66-67	2	14			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	THAI VĂN TÀI	TD3	71-72	2	16			61	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	VÔ VĂN HUY	TD3	69	1	13			63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	ĐẶNG HAI ĐƯƠNG	TD3	56	1	10			67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
9	LÊ VIỆT ĐỒNG	TD3	58	1	14			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
10	NGÔ XUÂN NGHĨA	TD3	75	1	9			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGÔ XUÂN HIỆU	TD3	57	1	11			73	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU TU	TD3	61	1	11			90	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LAM	TD3	76-77	2	15			69	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HIỆU	TD3	74	1	10			72	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THƯƠNG	TD3	70	1	4			67	PSV	Vietnamese
16	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	400	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	74	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI QUANG DUY	BK5	99	1	9	2	40	79	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO XUÂN THỌ	BK5	75	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	15	1.022	25	172	0	0	0		
2	BK5	4	290	4	28	2	40	19		
TOTAL		19	1.312	29	200	2	40	19		
WEIGHT KG			1.312		200		40			

GRAND TOAL: 1.552 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN